TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.NT **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2019/DS-ST
Ngày: 23-04-2019
V/v:*"Tranh chấp di sản thừa kế"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN P LAN ANH**
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **NGUYỄN THỊ HOA**
2.Bà**NGUYỄN THỊ TUYẾT HỒNG**
- Thư ký phiên tòa: Ông **PHẠM VĂN TUÂN–** Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:
Ông **LÊ HOÀNG ANH** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 479/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 01/04/2019 giữa các đương sự:

1. <u>Nguyên đơn</u>:
- Bà **Phạm Thị Khánh P**, sinh ngày: 30/5/1959
Địa chỉ: P, D, D, Khánh Hòa.
- Bà **Phạm Thị Khánh V**, sinh năm: 1961
Địa chỉ: 342 H, Phường B, T, Phú Yên.
- Bà **Phạm Thị Khánh P**, sinh năm: 1963
Địa chỉ: D, D, Khánh Hòa.
- Bà **Phạm Thị Như M**, sinh năm: 1966
Địa chỉ: 24 V, P, NT, Khánh Hòa.
Các bà P, V, P, M đều ủy quyền cho: Ông **Đặng Văn P**, sinh năm: 1957.
Địa chỉ: 108 T, T, NT, Khánh Hòa.
(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 24/11/2017). *Ông P và các bà P, V, P, M đều có mặt.*
*2.<u>Bị đơn</u>:*Ông **Phạm Ngọc Đ**, sinh năm: 1970
Địa chỉ: Thôn V, V, NT, Khánh Hòa.
Ông Đồng ủy quyền cho ông **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm: 1983;
Địa chỉ: 139H4 L, Phường B, Quận C, Tp.Hồ Chí Minh.
hoặc ủy quyền cho bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm: 1983;
Địa chỉ: 209 L, P, NT, Khánh Hòa.

(Theo hợp đồng ủy quyền ngày 25/10/2018). *Ông P và ông Đ đều có mặt; Bà L vắng mặt.*
3.<u>Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan</u>:
- Ông **Phạm Ngọc H**,sinh năm: 1956
Địa chỉ: 28A M, P, NT, Khánh Hòa**.**
Ông H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.
- Bà **Nguyễn Trúc Q**, sinh năm: 1985
Nơi ĐKNKTT: V, V, NT, Khánh Hòa.
Địa chỉ liên lạc: Thôn A, xã D, huyện D, Khánh Hòa.
Bà Q vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.
- Ông **Phạm Ngọc D**, sinh năm: 1997
Địa chỉ: V, V, NT, Khánh Hòa.
Ông D vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.
- Bà **Lê Thị Diễm T**, sinh năm: 1970
Địa chỉ: V, V, NT, Khánh Hòa. *Bà Thúy vắng mặt.*
Bà Thúy ủy quyền cho bà **Phạm Thị Ngọc B**, sinh năm: 1941
Địa chỉ: Thôn V, xã C, C, Khánh Hòa.
(Theo Giấy ủy quyền ngày 22/4/2018), *bà Bích vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Các nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn là ông Đặng Văn P trình bày tại các đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn trình bày ý kiến và tại phiên tòa như sau:***

Cha mẹ của các nguyên đơn và bị đơn là bà Trần Thị Dục E và ông Phạm B; bà Em và ông B có tất cả 05 người con chung là Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M và Phạm Ngọc Đ. Ngoài ra bà Em còn có 01 người con riêng là Phạm Ngọc H (sinh năm 1956), bà Em có bầu ông H trước khi cưới ông B, tuy nhiên ông B vẫn đứng tên khai sinh cha cho ông H.

Nguồn gốc nhà và đất tại tổ 5, thôn V, xã V, NT, Khánh Hòa là của cha mẹ ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E để lại cho ông B, bà E. Ông Phạm B mất năm 1981, không để lại di chúc. Sau khi ông B mất thì bà B và các con đều ở trên đất, trừ ông H ở bên phía ngoại ở N và bà P đã có chồng và ở nhà chồng. Bà E mất năm 2015, theo các bà nguyên đơn được biết thì bà E mất không để lại di chúc, tại buổi hòa giải ở xã V thì ông Đ cũng khai rằng bà E không để lại di chúc, tuy nhiên sau khi lên Tòa án làm việc phía nguyên đơn mới biết ông Đ có cung cấp cho Tòa án bản di chúc do bà E lập ngày 31/5/2002, có xác nhận của UBND xã V. Phía nguyên đơn cho rằng bản di chúc này là giả mạo vì thời điểm năm 2002 bà E đã lớn tuổi, không còn đủ minh mẫn để lập bản di chúc này. Phía nguyên đơn đã đến UBND xã V xin trích lục sổ bộ bản chính tờ di chúc đó, tuy nhiên UBND xã V đã xác nhận do thời điểm 2002 đã quá lâu nên sổ bộ đã thất lạc, không còn để trích lục. Hiện nay, toàn bộ nhà và đất thuộc các thửa đất số 68, 69, tờ bản đồ số 28 tại tổ 5, thôn V, xã V, NT đều do ông Đ quản lý. Phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu ông Đ cùng thỏa thuận để phân chia khối di sản do cha mẹ để lại nhưng ông Đ đều không đồng ý, UBND xã V cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không được, do đó nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật.

Trước đây các nguyên đơn có yêu cầu chia đôi phần đất của cha mẹ để lại có diện tích 4.449,8m^2 đất thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 thuộc thôn V, V, NT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00468/22396 do UBND TP. NT cấp ngày 19/12/2012 đứng tên hộ bà Trần Thị Dục E. Tuy nhiên, trên tinh thần thiện chí, muốn giữ gìn tình cảm chị em trong gia đình, hơn nữa phía nguyên đơn cũng ghi nhận công sức giữ gìn, trông nom nhà từ đường của ông Phạm Ngọc Đ nên các nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu nhận 1.000m^{2}đất trong tổng diện tích 4.449,8m^2 đất (trong đó có một phần đất thổ để các nguyên đơn xây nhà) thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 thuộc thôn V, V, NT; vị trí đất yêu cầu được nhận là phần đất giáp mương nước; giao phần nhà từ đường và phần đất mộ cho ông Đ quản lý, sử dụng. Trong phần đất 1.000m^{2}mà nguyên đơn yêu cầu được nhận thì đề nghị Tòa án chia cho phía nguyên đơn một phần đất ở để các nguyên đơn có điều kiện xây dựng nhà cửa, ổn định cuộc sống. Các nguyên đơn yêu cầu được nhận chung phần đất được chia thừa kế, không yêu cầu chia cho từng người. Riêng thửa đất lúa số 68, tờ bản đồ số 28 thuộc thôn V, V, NT nguyên đơn không yêu cầu chia. Đối với di chúc do mẹ là bà Trần Thị Dục E lập ngày 31/5/2002 có xác nhận của UBND xã V thì các nguyên đơn không có ý kiến gì, không yêu cầu giám định chữ ký của bà E.

**** Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Ngọc P trình bày:*** Nguồn gốc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 có diện tích 4.449,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ và 4.249,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thôn V, V, NT mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là đất có từ thời ông xơ, ông tổ, ông cố, ông nội và đến đời cha tôi là ông Phạm B), với truyền thống "truyền tử lưu tôn" không được mua bán chuyển nhượng, phân chia, tranh dành. Trên đất có nhà từ đường chính 63m^2, nhà phụ 54m^2, nhà bếp và công trình phụ 24m^2. Cha tôi cưới mẹ tôi là bà Trần Thị Dục E và có 05 người con chung là tôi và các chị Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M. Trước khi cưới cha tôi thì mẹ tôi còn có người con riêng là anh Phạm Ngọc H nhưng anh H vẫn được cha tôi đứng tên khai sinh. Khi cha mẹ tôi cưới nhau về sinh con đẻ cái tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này, không tạo lập gì thêm, chỉ tu bổ thêm nhà cửa.

Cha tôi mất ngày 18/5/1981 không để lại di chúc, các chị tôi cưới chồng rồi theo chồng, chỉ còn lại mẹ tôi và vợ chồng tôi quản lý đất đai, thờ cúng ông bà, tu sửa nhà từ đường. Mẹ tôi mất ngày 16/6/2015 có để lại di chúc là để toàn bộ nhà đất trên cho tôi. Di chúc do mẹ tôi lập ngày 31/5/2002 có xác nhận của UBND xã V, thành phố NT. Nay các chị tôi lại yêu cầu chia thừa kế như vậy thì tôi không đồng ý vì đây là đất ông bà để lại, truyền tử lưu tôn, không được chia chác. Nếu phần đất này được pháp luật cho phép chia thừa kế thì cha mẹ tôi là người được thừa hưởng nhà đất này. Khi cha mẹ tôi qua đời thì các con được quyền chia tài sản nhưng cha tôi đã mất 36 năm, không có di chúc. Trong 36 năm đó các chị em không ai kiện tụng, tranh chấp, đến thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì đã hết thời hiệu khởi kiện. Riêng phần đất của mẹ tôi thì bà đã lập di chúc để lại toàn bộ nhà đất trên cho tôi. Như vậy các chị không có quyền khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế mà cha mẹ để lại. Tuy nhiên, với tinh thần hòa giải, để giữ gìn tình cảm chị em trong gia đình thì tôi đồng ý chia cho các chị với tổng diện tích là 1000m^2.

Trên thửa đất số 69 mà nguyên đơn đang tranh chấp, ngoài phần nhà từ đường do ông bà nội tôi để lại thì còn có 01 gian nhà 01 tầng nằm giáp mặt đường đi, có diện tích khoảng 40m^2, do tôi xây dựng từ khoảng năm 2003-2004 để vợ tôi buôn bán, nhưng hiện nay không sử dụng và khoảng 50 ngôi mộ của dòng tộc, có diện tích khoảng 500m^2. Đối với cây trồng trên đất do

tôi tự trồng, do đợt bão vừa qua cũng đã hư hỏng rất nhiều nên tôi không có yêu cầu gì.

Đối với thửa đất ruộng số 68, tờ bản đồ số 28 là đất được nhà nước cấp cho mẹ con tôi theo Nghị định 64/CP của Chính phủ và có thời hạn, đây là nguồn thu nhập chính của gia đình, nay các chị không yêu cầu chia thì tôi cũng không có ý kiến gì.

**** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị Diễm T là bà Phạm Thị Ngọc B trình bày tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa như sau:***

Nguồn gốc đất tranh chấp tại các thửa đất 68, 69 tại tổ 5 thôn V, xã V, Tp.NT, tỉnh Khánh H là của ông, bà tổ tiên để lại cho ông Phạm B. Năm 1981 ông B chết không để lại di chúc. Căn nhà từ đường là của ông Phạm T, bà Hồ Thị Đ là ba mẹ của ông Phạm B xây dựng khi còn sống và giao lại cho ông B quản lý. Sau khi ông B chết thì nhà, đất trên giao lại cho vợ chồng ông Phạm Ngọc Đ, bà Lê Thị Diễm T và Trần Thị Dục E quản lý, thờ cúng ông bà tổ tiên. Bà Lê Thị Diễm T cưới ông Đồng năm 1996, đến năm 1998 thì nhập khẩu về hộ bà E. Sau đó, vào năm 1999, gia đình ông Đ mới tiến hành làm sổ đỏ đứng tên mẹ là hộ bà Trần Thị Dục E. Năm 2015, bà Trần Thị Dục E chết; trước khi chết thì bà Trần Thị Dục E có để lại di chúc vào ngày 31/5/2002, có sự chứng thực của UBND xã V với nội dung để lại toàn bộ nhà, đất cho ông Phạm Ngọc Đ. Nay các bà Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, tôi không đồng ý vì bà Trần Thị Dục E đã có di chúc để lại toàn bộ nhà, đất tranh chấp trên cho ông Phạm Ngọc Đ để thờ cúng ông, bà tổ tiên. Chỉ được bán một phần đất đề tu bổ nhà từ đường chứ không được chia chác cho bất kỳ ai.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Phạm Ngọc H) trình bày tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai như sau:***

Tôi là con trai trưởng và là con trai riêng của mẹ tôi là bà Trần Thị Dục E và được chồng của mẹ tôi là ông Phạm B đứng tên cha trên giấy khai sinh cho tôi.

Ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E có 05 người con chung là các ông bà Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M, Phạm Ngọc Đ. Ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E có để lại tài sản là 4.449,8m^2 đất (trong đó có 200m^2 đất thổ, còn lại là đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 tại thôn V, xã V, thành phố NT, trên đất có nhà từ đường do ông bà để lại. Ngoài ra còn có thửa đất lúa do nhà nước giao có diện tích là 779.5m^2 thuộc thửa đất số 68, tờ bản đồ số 28 tại thôn V, xã V, thành phố NT. Ông Phạm B chết năm 1981 không để lại di chúc. Bà Trần Thị Dục E chết năm 2015, tôi có nghe ông Đ nói là mẹ có để lại di chúc và đưa cho tôi xem. Nội dung di chúc là giao hết nhà từ đường và đất đai cho ông Đ quản lý, di chúc này có sự xác nhận của UBND xã V. Hiện nay, tất cả nhà đất nêu trên đều do ông Đ quản lý, sử dụng.

Nay các em tôi khởi kiện để yêu cầu chia di sản của cha mẹ để lại thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật. Nếu tôi được hưởng một phần di sản của cha mẹ để lại thì tôi xin từ chối nhận phần di sản này và không tranh chấp gì đến phần tài sản mà ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E để lại tại các thửa đất số 68, số 69 tờ bản đồ số 28 tại địa chỉ thôn V, xã V, Tp.NT, tỉnh Khánh Hòa.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Trúc Q) trình bày tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai như sau:***

Tôi là con gái ruột của bà Phạm Thị Khánh P và là cháu ngoại của ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E. Tôi và mẹ tôi từng sống trên phần đất tại địa chỉ thôn V – xã V – Tp.NT –

tỉnh Khánh Hòa từ năm 1986 cùng với bà ngoại Trần Thị Dục E, đến khi tôi đi lấy chồng thì tôi về nhà chồng, nhưng hiện tại hộ khẩu tôi vẫn đang đăng ký ở địa chỉ trên. Tôi được biết nguồn gốc nhà và đất tại tổ 5 thôn V, xã V, Tp.NT, tỉnh Khánh Hòa là của bà ngoại tôi được UBND thành phố NT cấp Giấy chứng nhận vào năm 1999, đứng tên hộ bà Trần Thị Dục E. Bà ngoại tôi có 06 người con là các ông bà Phạm Ngọc H, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M và Phạm Ngọc Đ. Đối với việc tranh chấp đất đai giữa mẹ tôi và các dì, cậu tôi không có ý kiến gì cả, tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án giải quyết cho tôi được hưởng một phần diện tích đất tranh chấp này thì tôi xin nhường phần của mình và chia đều cho mỗi người là Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M và Phạm Ngọc Đ. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Ngọc D trình bày tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 04/7/2018 như sau:***

Tôi thống nhất với cha tôi là ông Phạm Ngọc Đ về nguồn gốc nhà đất mà các cô của tôi yêu cầu chia thừa kế. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của gia đình chúng tôi. Vì lý do việc học bận rộn, lại ở xa nên tôi không thể đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án cho tôi được vắng mặt tại tất cả các giai đoạn tố tụng của vụ án, tôi cam đoan sẽ không khiếu nại về sau.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT cho rằng quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định pháp luật, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là các ông bà Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M và Phạm Ngọc Đ về việc phân chia thừa kế. Ông Phạm Ngọc H có văn bản thể hiện ý chí khước từ phần tài sản được nhận nên không xem xét chia kỷ phần thừa kế cho ông H. Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì đối với việc thừa kế mở trước ngày ban hành pháp lệnh thì thời hiệu được tính từ ngày công bố pháp lệnh tức là ngày 10/9/1990 và khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết số 58/1998 NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở

được xác lập trước ngày 01/7/1991 quy định thời gian từ ngày 01/7/1996 đến ngày 01/01/1999 (tức 02 năm 06 tháng) thì không tính vào thời hiệu khởi kiện.

Ông Phạm B chết năm 1981, bà Trần Thị Dục E chết năm 2015, như vậy thời hiệu khởi kiện về quyền thừa kế trong trường hợp này đến ngày 10/3/2023 mới hết thời hiệu . Nguyên đơn có đơn khởi kiện chia di sản thừa kế ngày 22/6/2017 nên việc khởi kiện trên còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông bà Phạm Ngọc H, Nguyễn Trúc Q, Phạm Ngọc D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, và bà Phạm Thị Ngọc B vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[3] Xét về nguồn gốc di sản các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế nhận thấy:

[3.1] Về nguồn gốc đất: Trên cơ sở lời khai của các đương sự tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay xác định : Nguồn gốc thửa đất tại tổ 5, thôn V, xã V, thành phố NT mà nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là của ông Phạm T và bà Hồ Thị Đ để lại cho vợ chồng con trai là ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E quản lý, sử dụng. Năm 1981, ông Phạm B chết. Ngày 25/9/1999, bà Em làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND TP. NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất 00445 QSDĐ/VT-NT đứng tên hộ bà Trần Thị Dục E và chồng (chết) đối với 5.145m^2 đất tại thôn V, xã V, TP. NT; trong đó có 770m^2 đất lúa, thuộc thửa đất 226, tờ bản đồ số 4; 4130m^2 đất quả, 200m^2 đất thổ, 45m^2 đất liên không, thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 04. Năm 2012, bà Em làm thủ tục cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Dự án VLAP, và đã được UBND TP. NT cấp thành 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất. Cụ thể:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00468/22396 do UBND TP. NT cấp ngày 19/12/2012 đứng tên hộ bà Trần Thị Dục E và chồng (chết) đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 có diện tích 4.449,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ và 4.249,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thôn V, V, NT.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00469/22396 do UBND TP. NT cấp ngày 19/12/2012 đứng tên hộ bà Trần Thị Dục Em và chồng (chết) đối với thửa đất số 68, tờ bản đồ số 28 có diện tích 779,5m^2, mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa nước, thuộc thôn V, V, NT.

Riêng đối với 779,5m^2 đất lúa thuộc thửasố68, tờ bản đồ số 28, đây là thửa đất cấp cho hộ gia đình theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Qua xác minh tại Công an thành phố NT, thời điểm UBND. TP NT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này (25/9/1999) thì hộ bà Trần Thị Dục Em có 06 nhân khẩu gồm: Bà Trần Thị Dục E, bà Phạm Khánh P (con gái bà E), ông Phạm Ngọc Đ (con trai bà Em), bà Lê Thị Diễm T (con dâu bà E), anh Phạm Ngọc D (cháu nội bà Em), bà Nguyễn Trúc Q (cháu ngoại bà E). Do nguyên đơn không yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Năm 2015, bà Trần Thị Dục E chết có để lại di chúc. Như vậy, xác định thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 có diện tích 4.449,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ và 4.249,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thôn V, Xã V, Tp.NT theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00468/22396 do UBND Tp.NT cấp ngày 19/12/2012 đứng tên hộ bà Trần Thị Dục E và chồng (chết) là di sản của ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E.

[3.2] Về tài sản trên đất:

Trên thửa đất các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế có 02 khối nhà:

- Khối nhà thứ nhất có kết cấu là nhà 01 tầng, tường 100-200, nền xi măng, cửa gỗ, trần vật liệu tốt, mái ngói, vì kèo gỗ, mặt tiền có sử dụng bê tông cốt thép, cốt nền cao 0,6m, hệ vệ sinh hoàn chỉnh nhưng đã bị hư hỏng, diện tích xây dựng 155.2m^2. Theo sự xác nhận của các đương sự thì đây là nhà từ đường được xây dựng khoảng năm 1950, do ông bà để lại cho ông B, bà E quản lý sử dụng; sau khi ông B, bà E chết thì căn nhà trên do ông Đ quản lý, sử dụng. Bị đơn là ông Phạm Ngọc Đ cũng xác nhận từ khi quản lý nhà cho đến nay thì ông chỉ sữa chửa mái nhà, quét vôi chứ không cơi nới, xây dựng gì thêm. Như vậy, có căn cứ để xác định căn nhà này là di sản của ông B, bà E để lại.

- Khối nhà thứ hai có kết cấu là nhà 01 tầng, tường gạch 100, mái lợp tôn, nền xi măng, không trần, kết cấu không hoàn chỉnh, diện tích xây dựng 32m^2. Theo lời trình bày của bị đơn là ông Đ thì căn nhà này do ông Đ xây dựng vào khoảng năm 2003 để vợ là bà Lê Thị Diễm T buôn bán nhưng hiện nay không sử dụng. Các nguyên đơn cũng không tranh chấp gì về phần nhà này nên có cơ sở để xác định đây là phần tài sản riêng của ông Phạm Ngọc Đ, không phải di sản của ông B, bà E.

Trên phần đất tranh chấp còn có khoảng 37 ngôi mộ không để bia mộ, phần đất mộ này có diện tích 432,8m^2 (theo trích đo địa chính thửa đất ngày 11/01/2018). Qua xác minh tại UBND xã V, thành phố NT thì phần đất mộ này thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28, đã được UBND TP. NT cấp cho hộ bà Trần Thị Dục E và chồng (chết), các ngôi mộ này do hộ bà E quản lý, sử dụng. Các nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận các ngôi mộ này là mộ của dòng họ, do đó Hội đồng xét xử xác định phần diện tích đất mộ vẫn thuộc phần đất di sản của ông B, bà E.

Ngoài ra trên phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế còn có một số cây trồng gồm: 03 cây M, 50 cây dừa, 10 cây xoài, 13 cây mít, 05 cây chuối. Số cây trồng này do ông Đ trồng nhưng ông Đ không có yêu cầu gì, các nguyên đơn cũng không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]Xét yêu cầu chia di sản thừa kế của các nguyên đơn:

Do nguồn gốc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 có diện tích 4.449,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ và 4.249,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thôn V, xã V, Tp.NT và căn nhà từ đường có diện tích xây dựng 155.2m^2 là di sản của ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E để lại nên yêu cầu chia di sản thừa kế của các nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ.

Ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E có 05 người con chung là bà Phạm Thị Khánh P, bà Phạm Thị Khánh V, bà Phạm Thị Khánh P, bà Phạm Thị Như M và ông Phạm Ngọc Đ. Ngoài ra, theo lời khai của các đương sự thì bà E còn có 01 người con riêng là Phạm Ngọc H (sinh năm 1956), bà E có bầu ông H trước khi cưới ông B, tuy nhiên ông B vẫn đứng tên khai sinh cha cho ông H. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ông Phạm Ngọc H vẫn là con chung của ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E.

Ông Phạm B chết ngày 19/5/1981 không để lại di chúc nên phần di sản của ông B được chia theo pháp luật. Áp dụng Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông B gồm có 07 người: bà Trần Thị Dục E, bà Phạm Thị Khánh P, bà Phạm Thị Khánh V, bà Phạm Thị Khánh P, bà Phạm Thị Như M, ông Phạm Ngọc Đ và ông Phạm Ngọc H. Tuy nhiên, ông Phạm Ngọc H có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E, do đó phần di sản của ông B được chia cho 06 kỷ phần.

Giá trị di sản của ông Phạm B được xác định cụ thể như sau:

- Về căn nhà từ đường có diện tích xây dựng 155.2m^2 có giá trị theo biên bản định giá ngày 11/01/2018 là 114.072.000 đồng, các nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu chia căn nhà này mà giao cho bị đơn là ông Đ quản lý, sử dụng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về đất: Phần đất di sản ông B để lại là ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 có diện tích 4.449,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ và 4.249,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thôn V, V, NT; cụ thể là 2.224,9m^2 (trong đó có 100m^2 đất thổ và 2.124,9m^2 đất trồng cây lâu năm). Chia phần di sản ông B để lại làm 06 kỷ phần thì mỗi kỷ phần được nhận phần tài sản là 370,8m^2 đất (trong đó có 16,7m^2 đất thổ và 354,1m^2 đất trồng cây lâu năm).

Các nguyên đơn yêu cầu được nhận chung phần đất được chia, không yêu cầu chia từng người, do đó phần đất các đồng nguyên đơn được nhận thừa kế theo pháp luật là: 1.483,2m^2 (trong đó có 67m^2 đất thổ và 1.416,2m^2 đất trồng cây lâu năm). Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn chỉ yêu cầu được nhận 1.000m^2 đất trong tổng diện tích đất tranh chấp, số diện tích đất quả còn lại các nguyên đơn đề nghị nhường lại cho ông Đ vì cho rằng ông Đ đã có công gìn giữ, trông nom nhà từ đường. Tại phiên tòa đại điện phía bị đơn và bản thân ông Đ cũng trình bày chấp nhận sự thỏa thuận này của các anh chị em để giữ hòa khí gia đình.

Xét thấy, đề nghị của các nguyên đơn và sự thỏa thuận của các đương sự là đồng thừa kế trong vụ án hoàn toàn phù hợp với truyền thống, đạo đức và phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự.

Như vậy, phần đất của các đồng nguyên đơn được nhận thừa kế của ông B là 1.000m^2 (trong đó có 67m^2 đất thổ và 933m^2 đất trồng cây lâu năm), có tổng giá trị theo Biên bản định giá tài sản ngày 11/01/2018 là 67m^2 x 4.000.000đ/m^2 + 933m^2 x 1.000.000đ/m^2 = 1.201.000.000 đồng. Bà Trần Thị Dục E được nhận thừa kế của ông B là 370,8m^2 đất (trong đó có 16,7m^2 đất thổ và 354,1m^2 đất trồng cây lâu năm). Ông Phạm Ngọc Đ được nhận thừa kế của ông B là 370,8m^2 đất (trong đó có 16,7m^2 đất thổ và 354,1m^2 đất trồng cây lâu năm) và 483.2m^2 đất trồng cây lâu năm là phần đất mà các đồng nguyên đơn được chia từ di sản của ông B nhưng nhường lại cho ông Đ. Cụ thể ông Đ được nhận 854m^2 đất (trong đó có 16,7m^2 đất thổ và 837,3m^2 đất trồng cây lâu năm) là phần di sản của ông B và phần đất mà các bà P, V, P,M tự nguyện giao nhường lại.

[5] Xét về di chúc: Bà Trần Thị Dục E chết ngày 16/6/2015 có để lại di chúc; tờ di chúc lập ngày 31/5/2002:

- Về hình thức di chúc: Tờ di chúc do bà E lập ngày 31/5/2002 có sự chứng thực của Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 04/6/2002, đây là di chúc bằng văn bản có chứng thực nên phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung di chúc: Tại tờ di chúc, bà Trần Thị Dục E để lại toàn bộ tài sản gồm đất thổ và đất quả, diện tích 4.330m^2 thuộc thửa đất số 228, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa số 69, tờ bản đồ số 28) và ngôi nhà cấp 4 có tổng diện tích 141m^2 cho ông Phạm Ngọc Đ. Đây là tài sản chung của bà Trần Thị Dục E và ông Phạm B, do đó việc bà E lập di chúc để lại toàn bộ nhà đất này cho ông Phạm Ngọc Đ là đã định đoạt vượt quá phần tài sản của bà E trong khối tài sản chung của vợ chồng. Do đó, chỉ phần di chúc liên quan đến phần tài sản của bà E có hiệu lực pháp luật (bao gồm ½ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28, có diện tích 2.224,9m^2 và phần đất bà E được hưởng thừa kế của ông B là 370,8m^2 đất tại thửa đất trên). Phần còn lại của di chúc vượt quá phần tài sản mà bà E được quyền định đoạt là không đúng quy định pháp luật nên không được công nhận.

Như vậy, tổng diện tích đất ông Phạm Ngọc Đ được nhận thừa kế từ ông Phạm B và bà Trần Thị Dục E là: 4.449,8m^2 – 1.000m^2 = 3.449,8m^2 (trong đó có 133m^2 đất thổ và 3.316,8m^2 đất trồng cây lâu năm), có tổng giá trị theo Biên bản định giá tài sản ngày 11/01/2018 là 133m^2 x 4.000.000 đ/m^2 + 3.316,8m^2 x 1.000.000đ/m^2 = 3.848.800.000 đồng.

[6] Về chi phí đo vẽ và định giá: Chi phí đo vẽ là 17.250.000 đồng, chi phí định giá là 2.100.000 đồng, các nguyên đơn đã nộp tạm ứng số tiền này để yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại Tòa, các nguyên đơn trình bày tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo vẽ, định giá tài sản,không yêu cầu bị đơn phải thanh toán lại số tiền này và phía bị đơn cũng không có ý kiến gì. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét việc buộc bị đơn phải thanh toán lại số tiền này cho các đồng nguyên đơn.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần di sản mà họ được hưởng theo giá mà Hội đồng định giá đã quyết định tại Biên bản định giá ngày 11/01/2018. Cụ thể:

- Các đồng nguyên đơn, mỗi người phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm là: [36.000.000 đồng + (1.201.000.000 đồng - 800.000.000 đồng) x 3%]:4 = 12.007.500 đồng. Riêng bà Phạm Thị Khánh P là người cao tuổi nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 72.000.000 đồng + (3.848.800.000 đồng – 2.000.000.000 đồng) x 2% = 108.976.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Pháp lệnh thừa kế năm 1990;
- Căn cứ Nghị quyết số 58/1998/NQ-UBTVQH10 ngày 20/8/1998 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 01 tháng 07 năm 1991;
- Căn cứ vào các Điều 609, 610, 611, 612, 620, 623, 624, 625, 627, 628, 630, 643, 650, 651Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật người cao tuôi;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn về *"Tranh chấp chia di sản thừa kế"* đối với bị đơn là ông Phạm Ngọc Đ.

1. Giao phần đất ký hiệu I (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) có diện tích 1.000m^2 (trong đó có 67m^2 đất thổ và 933m^2 đất trồng cây lâu năm)thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thôn V, xã V, thành phố NT cho các bà Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P và Phạm Thị Như M toàn quyền sử dụng, quản lý, định đoạt.

Giao phần đất ký hiệu II (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) có diện tích 3449,8m^2 (trong đó có 133m^2 đất thổ và 3316,8m^2 đất trồng cây lâu năm)thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại thôn V, xã V, thành phố NT và căn nhà từ đường trên đất có diện tích xây dựng 155.2m^2 cho ông Phạm Ngọc Đ toàn quyền sử dụng, quản lý, định đoạt.

2. Ông Phạm Ngọc Đ là người đang quản lý toàn bộ phần di sản thừa kế có tranh chấp làthửa đất số 69, tờ bản đồ số 28 có diện tích 4.449,8m^2 (trong đó có 200m^2 đất thổ và 4.249,8m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc thôn V, xã V, Tp.NT, ông Đ phải có trách nhiệm bàn giao lại 1000m^2đất (trong đó có 67m^2 đấtthổ và 933m^2 đất trồng cây lâu năm) thuộc phần ký hiệu I (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) cho các bà Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M.

Các ông bà Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Khánh V, Phạm Thị Khánh P, Phạm Thị Như M, Phạm Ngọc Đ có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo đúng quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị Khánh P 14.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA /2016/0007613 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT.

- Bà Phạm Thị Khánh V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là12.007.500 đồng nhưng được trừ vào 14.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007612 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Khánh V 2.092.500 đồng.

- Bà Phạm Thị Khánh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là12.007.500 đồng nhưng được trừ vào 14.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007614 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Khánh P 2.092.500 đồng.

- Bà Phạm Thị Như M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là12.007.500 đồng nhưng được trừ vào 14.100.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007584 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Hoàn lại cho bà Phạm Thị Như M 2.092.500 đồng.

- Ông Phạm Ngọc Đ phảinộp108.976.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.NT;
- Chi cục THADS Tp.NT;
- Các đương sự trong vụ án;
-Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Trần P Lan Anh